**CHI TIẾT BIỂU ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:* ***97*** */QĐ-ĐHGTVT ngày 14/3/2017*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá** | **Mức**  **điểm** | **Đơn vị**  **liên quan/ Lưu ý** |
| **1** | **Tiêu chí 1: Đánh giá về ý thức tham gia học tập** | **0 đến 20** |  |
| 1.a | Ý thức và thái độ trong học tập | Tối đa 5 điểm | Khoa quản lý |
|  | Chấp hành nội quy lớp học:  - Không vi phạm (3 điểm).  - Vi phạm nội quy lớp học (có xác nhận), mỗi lần trừ 1, trừ tối đa 3 điểm. | 0 đến 3 |  |
|  | Tham gia thi học phần:  - Không bị cấm thi tất cả các học phần trong kỳ (2 điểm).  - Bị cấm thi mỗi học phần trong học kỳ, mỗi học phần trừ 1 điểm, trừ tới đa 2 điểm | 0 đến 2 | Khoa quản lý, P.Đào tạo |
| 1.b | Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ (CLB) học thuật; các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) | Tối đa 3 điểm | P.KHCN, NC&PT, Đoàn TN - Hội SV, Khoa quản lý |
|  | Tích cực tham gia các CLB học thuật; các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động CNKH, các kỳ thi tuyển chọn các lĩnh vực cấp bộ, tỉnh và tương đương (có xác nhận). | 3 |  |
|  | Tích cực tham gia các CLB học thuật; các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động NCKH, các kỳ thi tuyển chọn các lĩnh vực cấp trường và tương đương (có xác nhận). | 2.5 |  |
|  | Tích cực tham gia các CLB học thuật; các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động NCKH, các kỳ thi tuyển chọn các lĩnh vực cấp khoa và tương đương (có xác nhận). | 2 |  |
|  | Tích cực tham gia các CLB học thuật; các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động NCKH cấp lớp và tương đương. | 1.5 |  |
|  | - Có đăng ký tham gia nhưng sinh hoạt không đều (có xác nhận) thì tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm theo ý kiến của tập thể ban điều hành, ban chủ nhiệm hoặc ban chỉ đạo các hoạt động đó nhưng không vượt mức điểm tối đa tùy cấp hoạt động.  - Nếu tham gia nhiều hoạt động thì được cộng điểm nhưng tối đa không quá 3 điểm.  - Nếu tham gia và đạt thành tích tại cuộc thi Olympic, tay nghề giỏi, các cuộc thi học thuật khác thì được cộng điểm. Số điểm cộng là 1 điểm theo mỗi cấp nêu trên, nhưng tối đa không quá 3 điểm. |  |  |
| 1.c | Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi | Tối đa 3 điểm | TT Khảo thí & KĐCL, Khoa quản lý |
|  | Chấp hành tốt quy chế thi, không vi phạm kỷ luật phòng thi. | 3 |  |
|  | Vi phạm kỷ luật thi (có xác nhận):  - Bị nhắc nhở trong quá trình thi nhưng chưa bị xử lý kỷ luật, vắng thi có lý do mỗi lần trừ 0.5 điểm, trừ tối đa 3 điểm.  - Bị khiển trách, bỏ thi không có lý do, mỗi lần trừ 1 điểm, trừ tối đa 3 điểm.  - Bị cảnh cáo trong khi thi, mỗi lần trừ 2 điểm, trừ tối đa 3 điểm.  - Bị đình chỉ thi trong khi thi kết thúc học phần thì được 0 điểm. |  |  |
| 1.d | Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập | Tối đa 4 điểm | P.Đào tạo, Khoa quản lý |
|  | Điểm trung bình học kỳ (ĐTBHK) đang xét tăng ≥ 0.4 điểm so với học kỳ kế trước hoặc ĐTBHK đang xét đạt ≥ 3.60 | 4 |  |
|  | ĐTBHK đang xét tăng ≥ 0.3 điểm so với học kỳ kế trước | 3 |  |
|  | ĐTBHK đang xét tăng ≥ 0.2 điểm so với học kỳ kế trước | 2 |  |
|  | ĐTBHK đang xét duy trì hoặc có tăng < 0.2 điểm so với học kỳ kế trước | 1 |  |
| 1.đ | Kết quả học tập (thang điểm 4) | Tối đa 5 điểm | P.Đào tạo, Khoa quản lý |
|  | ĐTBHK đạt từ 3.0 trở lên | 5 |  |
|  | ĐTBHK đạt từ 2.5 đến dưới 3.0 | 4 |  |
|  | ĐTBHK đạt từ 2.3 đến dưới 2.5 | 3 |  |
|  | ĐTBHK đạt từ 2.0 đến dưới 2.3 | 2 |  |
|  | ĐTBHK đạt từ 1.6 đến dưới 2.0 | 1 |  |
|  | ĐTBHK đạt từ 1.0 đến dưới 1.6 | 0.5 |  |
|  | ĐTBHK đạt dưới 1.0 | 0 |  |
| 1.e | Kết quả học tập đối với học kỳ thực tập hoặc tốt nghiệp (thang điểm 10) | Tối đa 5 điểm | Khoa quản lý |
|  | Điểm bảo vệ đạt từ 8.0 trở lên | 5 |  |
|  | Điểm bảo vệ đạt từ 7.0 đến dưới 8.0 | 4 |  |
|  | Điểm bảo vệ đạt từ 6.0 đến dưới 7.0 | 3 |  |
|  | Điểm bảo vệ đạt từ 5.0 đến dưới 6.0 | 2 |  |
|  | Không đạt | 0 |  |
| **2** | **Tiêu chí 2: Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường** | **0 đến 25** | **Khoa quản lý, các đơn vị liên quan** |
| 2.a | Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong Trường | Tối đa 10 điểm |  |
|  | - Tham gia đầy đủ (có xác nhận) các buổi sinh hoạt, phổ biến quy chế, sinh hoạt công dân, sinh hoạt khoa, sinh hoạt lớp và các hoạt động khác do Trường, Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, khu nội trú tổ chức (10 điểm).  - Vắng mỗi buổi trừ 2 điểm, trừ tối đa 10 điểm. |  |  |
| 2.b | Kết quả chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong Trường | Tối đa 15 điểm |  |
|  | - Được đánh giá chấp hành tốt nội quy, quy chế của Trường (không vi phạm) (15 điểm).  - Vi phạm các lỗi: không đeo thẻ sinh viên; không mặc đồng phục. Ban cán sự lớp xác nhận, trừ 0.5 điểm mỗi lần, trừ tối đa 15 điểm.  - Vi phạm các lỗi (có xác nhận): không đóng học phí và các loại phí khác đúng thời hạn quy định, trừ 5 điểm mỗi lần, trừ tối đa 15 điểm.  - Vi phạm các lỗi (có xác nhận): không tham gia sinh hoạt công dân, học tập nghị quyết, pháp luật, không chấp hành quy chế và quy định khác, trừ 2 điểm mỗi lần, trừ tối đa 15 điểm  - Vi phạm các lỗi (có xác nhận): không hoàn thành khi đánh giá tham gia sinh hoạt công dân, học tập học tập nghị quyết, pháp luật, quy chế và quy định khác, trừ 1 điểm mỗi lẫn, trừ tối đa 15 điểm.  - Trừ 5 điểm khi bị kỷ luật cấp khoa, khu nội trú.  - Trừ 10 điểm khi bị kỷ luật cấp trường với hình thức “khiển trách”.  - Trừ 15 điểm khi bị kỷ luật cấp trường với hình thức “cảnh cáo” hoặc cao hơn. |  |  |
| **3** | **Tiêu chí 3: Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội** | **0 đến 20** | **Khoa quản lý, các đơn vị liên quan** |
| 3.a | Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao | Tối đa 7 điểm |  |
|  | Tích cực tham gia (có xác nhận) các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao do trường, Đoàn TN, Hội SV trường và tương đương trở lên tổ chức. | 7 |  |
|  | Tích cực tham gia (có xác nhận) các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao do Khoa, Đoàn cơ sở, Liên chi hội SV, Khu nội trú và tương đương tổ chức. | 6 |  |
|  | Tích cực tham gia (có xác nhận) các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao do lớp, chi đoàn, chi hội và tương đương tổ chức. | 5 |  |
|  | - Có tham gia nhưng chưa tích cực thì trừ đi ½ số điểm của cấp hoạt động nêu trên (có xác nhận từ tập thể ban tổ chức, ban chỉ đạo các hoạt động nêu trên).  - Không tham gia các hoạt động nêu trên (0 điểm). |  |  |
| 3.b | Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội | Tối đa 9 điểm |  |
|  | Tham gia chiến dịch tình nguyện hè do Đoàn TN, Hội SV trường tổ chức và hoàn thành nhiệm vụ (có xác nhận). | 9 |  |
|  | Tham gia chiến dịch Xuân tình nguyện do Đoàn TN, Hội SV trường tổ chức và hoàn thành nhiệm vụ (có xác nhận). | 7 |  |
|  | - Tham gia các chiến dịch tình nguyện khác (có xác nhận) do Đoàn TN, Hội SV trường tổ chức như: Ngày thứ Bảy tình nguyện, Chủ nhật xanh, Hành trình nhân ái, Giờ trái đất, … và các hoạt động tình nguyện khác do cấp Đoàn cơ sở, Liên chi hội SV các khoa, cấp CLB-Đội-Nhóm thuộc Hội SV trường tổ chức và hoàn thành nhiệm vụ (3 điểm/ lần).  - Tham gia các hoạt động công ích, công tác xã hội khác (có xác nhận) như: Hiến máu tình nguyện, tình nguyện vì môi trường, vì gia đình chính sách, vì người già neo đơn, vì trẻ em mồ côi, … (3 điểm/ lần, tối đa không quá 9 điểm).  - Nếu tham gia nhiều hoạt động thì được cộng điểm tối đa không quá 9 điểm.  - Nếu là đội trưởng hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (có xác nhận) thì được cộng điểm. Số điểm cộng là 2 điểm theo mỗi mức và mỗi lần nêu trên, cộng tối đa không quá 9 điểm.  - Không tham gia (0 điểm). |  |  |
| 3.c | Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.  Tham gia mỗi lần (có xác nhận) cộng 2 điểm, tối đa không quá 4 điểm. | Tối đa 4 điểm |  |
| **4** | **Tiêu chí 4: Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng** | **0 đến 25** | **Khoa quản lý, các đơn vị liên quan** |
| 4.a | Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng | Tối đa 9 điểm |  |
|  | - Chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (6 điểm).  - Tham gia các hoạt động tuyên truyền (có xác nhận) chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng (có xác nhận), mỗi lần cộng 3 điểm, tối đa không quá 9 điểm.  - Vi phạm (có xác nhận) các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm, trừ tối đa 6 điểm. |  |  |
| 4.b | Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng | Tối đa 8 điểm |  |
|  | Tham gia các hoạt động xã hội tại trường, Đoàn TN, Hội SV, … được cấp trường và tương đương xác nhận. | 8 |  |
|  | Tham gia các hoạt động xã hội tại trường, Đoàn TN, Hội SV, … được cấp khoa và tương đương xác nhận. | 6 |  |
|  | Tham gia các hoạt động xã hội tại trường, Đoàn TN, Hội SV, … được cấp lớp và tương đương xác nhận. | 5 |  |
|  | Tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương, nơi cư trú, các hoạt động do các tổ chức chính trị xã hội thực hiện được xác nhận. | 8 |  |
| 4.c | Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn | Tối đa 8 điểm |  |
|  | Mỗi lần tham gia, quyên góp cứu trợ, cứu nạn, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn do cấp tỉnh thành, bộ, cấp trường và tương đương phát động (có xác nhận) | 8 |  |
|  | Mỗi lần tham gia, quyên góp cứu trợ, cứu nạn, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn do cấp khoa và tương đương phát động (có xác nhận) | 7 |  |
|  | Mỗi lần tham gia, quyên góp cứu trợ, cứu nạn, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn do cấp lớp và tương đương phát động (có xác nhận) | 6 |  |
|  | Mỗi lần tham gia, quyên góp cứu trợ, cứu nạn, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn do địa phương và các tổ chức xã hội khác phát động (có xác nhận) | 8 |  |
| **5** | **Tiêu chí 5: Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện** | **0 đến 10** | **Khoa quản lý, các đơn vị liên quan** |
| 5.a | Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Trường | Tối đa 10 điểm |  |
|  | - Được đánh giá hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ (10 điểm).  - Được đánh giá hoàn thành Tốt nhiệm vụ (8 điểm).  - Được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ (6 điểm).  - Được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ (3 điểm).  Đối với vai trò quản lý cấp lớp và tương đương, mức điểm được tính bằng ½ số điểm tương đương nêu trên. |  | Có xác nhận |
| 5.b | Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Trường | Tối đa 5 điểm |  |
|  | - Được đánh giá: Rất tốt (5 điểm).  - Được đánh giá: Tốt (4 điểm).  - Được đánh giá: Khá (3 điểm).  - Được đánh giá: Trung bình (2 điểm). |  | Có xác nhận |
| 5.c | Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và Trường | Tối đa 5 điểm |  |
|  | - Cấp trường, Đoàn TN, Hội SV trường, Chi bộ SV do cấp trường và tương đương xác nhận (5 điểm).  - Cấp khoa, Đoàn Cơ sở, Liên chi Hội, Câu lạc bộ đội nhóm do cấp khoa và cấp tương đương xác nhận (3 điểm).  - Cấp lớp, chi đoàn, chi hội do lớp và chi đoàn xác nhận (2 điểm). |  | Có xác nhận |
| 5.d | Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện | Tối đa 5 điểm |  |
|  | - Bằng khen hoặc chứng nhận các danh hiệu từ cấp Bộ, tỉnh, thành và tương đương trở lên. | 5 |  |
|  | - Giấy khen hoặc chứng nhận các danh hiệu từ cấp Bộ, tỉnh thành và tương đương trở lên. | 4 |  |
|  | - Giấy khen hoặc chứng nhận các danh hiệu của Hiệu trưởng. | 3 |  |
|  | - Giấy khen hoặc chứng nhận các danh hiệu của Đoàn, Hội cấp trường và tương đương. | 2 |  |